

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24

40993-
CÔNG TY
KIỂM HỨNG
TOÁN
VIỆT NAM
P. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. Công ty

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông	Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà	Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông	Hà Hữu Quang	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà	Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà	Hà Thị Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông	Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông	Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc
Ông	Hà Hữu Quang	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

AFC Vietnam PKF

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



LƯU HOÀNG LONG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

Số: 82/2014/BCSX-HCM.00195

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Tử Bình Hoà
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập vào ngày 11 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

HOÀNG LAN HƯƠNG
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2207-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.275.110.065	31.629.699.591
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.659.788.702	8.971.379.995
Tiền	111		1.659.788.702	2.971.379.995
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		15.943.231.640	17.528.777.181
Phải thu khách hàng	131	4.2	10.360.431.674	10.042.382.953
Trả trước cho người bán	132	4.3	3.765.141.600	5.833.141.600
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.817.658.366	1.653.252.628
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.5	6.836.702.094	4.623.168.725
Hàng tồn kho	141		6.836.702.094	4.624.355.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.187.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		835.387.629	506.373.690
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.521.721	42.749.089
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.13	652.355.907	454.274.601
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		130.510.001	9.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.150.837.118	3.626.974.358
Tài sản cố định	220		1.664.236.894	2.048.344.948
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	1.581.008.985	1.965.117.039
Nguyên giá	222		22.855.241.141	22.855.241.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.274.232.156)	(20.890.124.102)
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	-	-
Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.227.909	83.227.909
Bất động sản đầu tư	240	4.8	304.960.948	403.307.306
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.906.996.995)	(5.808.650.637)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	956.500.000	956.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		225.139.276	218.822.104
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	225.139.276	218.822.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.425.947.183	35.256.673.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.484.838.480	3.857.422.118
Nợ ngắn hạn	310		4.318.627.880	3.669.865.518
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	3.369.248.436	481.462.291
Người mua trả tiền trước	313	4.12	892.927.869	3.120.832.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	28.712.200	147.054.534
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		87.055.251	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.14	(59.315.876)	(79.483.307)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		166.210.600	187.556.600
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		166.210.600	187.556.600
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.941.108.703	31.399.251.831
Vốn chủ sở hữu	410	4.15	28.941.108.703	31.399.251.831
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.804.808.050	1.804.808.050
Quỹ dự phòng tài chính	418		505.591.690	505.591.690
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(2.369.291.037)	88.852.091
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.425.947.183	35.256.673.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.500	30.303.506
Ngoại tệ các loại (USD)	47.975,57	42.190,28
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		51.720.901.483	42.509.376.261
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	51.720.901.483	42.509.376.261
Giá vốn hàng bán	11	5.2	47.558.864.490	38.177.109.629
Lợi nhuận gộp	20		4.162.036.993	4.332.266.632
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	235.759.131	486.933.454
Chi phí tài chính	22	5.4	34.750.931	40.883.400
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	1.181.175.204	1.115.998.780
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.320.052.878	5.405.031.379
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(2.138.182.889)	(1.742.713.473)
Thu nhập khác	31	5.7	402.628	343.505.238
Chi phí khác	32	5.8	231.510.776	153.579.700
Lợi nhuận khác	40		(231.108.148)	189.925.538
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.369.291.037)	(1.552.787.935)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.369.291.037)	(1.552.787.935)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(817)	(535)

Hoàng Thị Anh Lê

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Thủy

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA


204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.369.291.037)	(1.552.787.935)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	482.454.412	722.682.903
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(1.187.000)	(48.591.271)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(161.024.428)	(278.525.470)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(2.049.048.053)	(1.157.221.773)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.266.304.234	(2.248.007.446)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.212.346.369)	4.322.333.644
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	985.452.766	(1.148.745.805)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(16.089.804)	(18.341.718)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(336.690.404)	(288.382.746)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(110.198.091)	(133.884.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.472.615.721)	(672.250.044)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.024.428	278.525.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	161.024.428	278.525.470
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.030.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.030.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	8.971.379.995	11.719.311.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	6.659.788.702	9.295.586.677


HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VBH.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản đầu tư.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 546 người (ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 536 người), trong đó số nhân viên quản lý là 121 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

3.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.1.

SỐ
C
LỊCH
KI
AFC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	398.279.235	426.217.020
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	239.149.437	1.657.648.245
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	1.022.360.030	887.514.730
Tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1-3 tháng)	5.000.000.000	6.000.000.000
	6.659.788.702	8.971.379.995

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 47.975,57 USD tương đương 1.022.360.030 VND.

4.2 Các khoản phải thu thương mại	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước - VND	4.485.167.359	6.243.523.594
Phải thu khách hàng nước ngoài - USD	5.875.264.315	3.798.859.359
	10.360.431.674	10.042.382.953

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 277.094,34 USD tương đương 5.875.264.315 VND.

4.3 Trả trước cho người bán	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước người bán trong nước	3.765.141.600	5.833.141.600
Trả trước người bán nước ngoài	-	-
	3.765.141.600	5.833.141.600

(*) Trả trước người bán chủ yếu trả trước mua hàng hoá bán cho khách hàng trong nước.

4.4 Các khoản phải thu khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu của Tecco	1.502.658.918 (*)	1.502.658.918
Phải thu của Lambda	25.887.906	-
Phải thu của Tohozinc	84.274.912	73.663.234
Phải thu tiền ốu đầu của BHXH	128.154.630	76.930.476
Phải thu khác	76.682.000	-
	1.817.658.366	1.653.252.628

(*) Đây là khoản tiền ứng cho Công ty Tecco thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhưng đến nay hợp đồng này đã thanh lý và đang thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
 Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	6.639.260.724	4.390.757.577
Công cụ, dụng cụ	197.441.370	199.249.138
Thành phẩm	-	34.349.010
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.836.702.094	4.624.355.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.187.000)
Giá trị thuần	6.836.702.094	4.623.168.725

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2014	16.380.187.624	2.479.702.694	2.517.836.551	1.477.514.272	22.855.241.141
Vào ngày 30/06/2014	16.380.187.624	2.479.702.694	2.517.836.551	1.477.514.272	22.855.241.141
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2014	14.671.938.140	2.479.543.194	2.260.968.996	1.477.514.272	20.890.124.102
Khấu hao trong kỳ	356.838.254	-	27.269.800	-	384.108.054
Vào ngày 30/06/2014	15.028.776.394	2.479.543.194	2.288.238.796	1.477.514.272	21.274.232.156
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2014	1.708.249.484	-	256.867.555	-	1.965.117.039
Vào ngày 30/06/2014	1.351.411.230	-	229.597.755	-	1.581.008.985
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					11.261.514.935

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2014	108.436.107
Vào ngày 30/06/2014	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2014	108.436.107
Vào ngày 30/06/2014	108.436.107
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2014	-
Vào ngày 30/06/2014	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.8 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
<i>Nguyên giá</i>	
Vào ngày 01/01/2014	6.211.957.943
Vào ngày 30/06/2014	<u>6.211.957.943</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Vào ngày 01/01/2014	5.808.650.637
Khấu hao trong kỳ	98.346.358
Vào ngày 30/06/2014	<u>5.906.996.995</u>
<i>Giá trị còn lại</i>	
Vào ngày 01/01/2014	403.307.306
Vào ngày 30/06/2014	<u>304.960.948</u>

4.9 Đầu tư dài hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	510.000.000 (a)	510.000.000
Đầu tư dài hạn khác	446.500.000 (b)	446.500.000
	<u>956.500.000</u>	<u>956.500.000</u>

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh - được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 VND, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 VND. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đã góp 510.000.000 VND đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; Và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này 1.699.000.000 VND.

(b) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐHT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiền độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ	210.701.982	196.490.263
Phí duy trì tên miền	14.437.294	22.331.841
	<u>225.139.276</u>	<u>218.822.104</u>
Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Số dư đầu năm	218.822.104	215.527.541
Phát sinh tăng trong kỳ	123.903.537	146.598.491
Phân bổ trong kỳ	(117.586.365)	(100.021.764)
Số dư cuối kỳ	<u>225.139.276</u>	<u>262.104.268</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.11	Phải trả người bán	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
	Phải trả người bán trong nước	134.704.114	-
	Phải trả người bán nước ngoài	3.234.544.322	481.462.291
		<u>3.369.248.436</u>	<u>481.462.291</u>
	Vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, số dư phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 152.363,40 USD tương đương 3.234.544.322 VND.		
4.12	Người mua trả tiền trước	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
	Người mua trong nước	892.927.869	3.120.832.000
		<u>892.927.869</u>	<u>3.120.832.000</u>
4.13	Thuế		
	<i>Các khoản phải thu nhà nước</i>	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	652.355.907	454.274.601
		<u>652.355.907</u>	<u>454.274.601</u>
	<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
	Thuế giá trị gia tăng	28.712.200	147.054.534
		<u>28.712.200</u>	<u>147.054.534</u>
4.14	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
	Số dư đầu năm	(79.483.307)	(120.831.902)
	Trích lập quỹ trong kỳ	88.852.091	213.532.795
	Chi quỹ trong kỳ	(68.684.660)	(133.884.200)
	Số dư cuối kỳ (*)	<u>(59.315.876)</u>	<u>(41.183.307)</u>

(*) Hàng năm Công ty sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi có nghị quyết Đại Hội Cổ Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.15 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận Chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	29.000.000.000	1.758.068.050	458.851.690	2.337.012.795	33.553.932.535
Lãi trong năm	-	-	-	88.852.091	88.852.091
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	46.740.000	46.740.000	(93.480.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(213.532.795)	(213.532.795)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.030.000.000)	(2.030.000.000)
Số dư 31/12/2013	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	88.852.091	31.399.251.831
Kỳ này					
Số dư 01/01/2014	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	88.852.091	31.399.251.831
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(2.369.291.037)	(2.369.291.037)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(88.852.091)	(88.852.091)
Số dư 30/06/2014	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	(2.369.291.037)	28.941.108.703

Trong năm 2014, Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2014, số 17/NQ-BH-ĐHCĐ/2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014.

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu

	2014	2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
 Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.5 Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí vật liệu bao bì	847.608.112	796.487.426
Chi phí xuất hàng	269.606.365	226.392.573
Chi phí quảng cáo	63.943.727	20.856.818
Chi phí khác	17.000	72.261.963
	<u>1.181.175.204</u>	<u>1.115.998.780</u>
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên	2.874.631.722	2.873.156.268
Chi phí đồ dùng văn phòng	172.437.198	192.821.260
Chi phí khấu hao	37.388.480	137.357.040
Tiền thuê đất	746.703.283	641.567.705
Thuế, phí và lệ phí	104.557.088	250.888.441
Chi phí khác bằng tiền	1.384.335.107	1.309.240.665
	<u>5.320.052.878</u>	<u>5.405.031.379</u>
5.7 Thu nhập khác	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu tiền đền bù vật tư	-	343.505.238
Thu khác	402.628	-
	<u>402.628</u>	<u>343.505.238</u>
5.8 Chi phí khác	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Phạt vi phạm hành chính	92.699.678	-
Chi đền bù, bồi thường	-	37.972.147
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	85.600.000
Chi phí khác	138.811.098	30.007.553
	<u>231.510.776</u>	<u>153.579.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.9	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
		VND	VND
	Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(2.369.291.037)	(1.552.787.935)
	Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận khi xác định lợi nhuận tính thuế	-	53.400.000
	Thu nhập không chịu thuế	-	(20.400.000)
	Chi phí không được khấu trừ	92.699.678	73.800.000
	Thu nhập chịu thuế	(2.276.591.359)	(1.499.387.935)
	Thuế suất	22%	25%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
5.10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
		VND	VND
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.369.291.037)	(1.552.787.935)
	Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(817)	(535)
5.11	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
		VND	VND
	Chi phí nguyên vật liệu	28.533.779.269	19.736.279.623
	Chi phí nhân viên	17.177.313.509	16.498.276.247
	Chi phí khấu hao	482.454.412	722.682.903
	Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	(1.187.000)	(48.591.271)
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.600.978.888	3.087.325.716
	Chi phí khác bằng tiền	4.232.404.484	4.702.166.570
	54.025.743.562	44.698.139.788	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1 và 5.2

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	6.659.788.702	8.971.379.995	6.659.788.702	8.971.379.995
Phải thu khách hàng	10.360.431.674	10.042.382.953	10.360.431.674	10.042.382.953
Phải thu khác	1.817.658.366	1.653.252.628	1.817.658.366	1.653.252.628
Đầu tư dài hạn	446.500.000	446.500.000	446.500.000	446.500.000
	19.284.378.742	21.113.515.576	19.284.378.742	21.113.515.576
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.369.248.436	481.462.291	3.369.248.436	481.462.291
Các khoản phải trả khác	166.210.600	187.556.600	166.210.600	187.556.600
	3.535.459.036	669.018.891	3.535.459.036	669.018.891

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 do thông tư số 210/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của mình.

Rủi ro tỷ giá: là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Nợ phải trả		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
USD	3.234.544.322	481.462.291	6.897.624.345	4.686.374.089

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài và công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Phải thu khách hàng: do kênh phân phối sản phẩm của Công ty thông qua thương mại (là bên liên quan do Công ty đầu tư) nên Công ty cùng với bên liên quan có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, duy trì kiểm soát đối với các khoản phải thu tồn đọng, bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc bán tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tình thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt, tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cho hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
 Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời gian dự kiến thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 30/06/2014			
Phải trả người bán	3.369.248.436	-	3.369.248.436
Các khoản phải trả khác	-	166.210.600	166.210.600
	3.369.248.436	166.210.600	3.535.459.036
Vào ngày 01/01/2014			
Phải trả người bán	481.462.291	-	481.462.291
Các khoản phải trả khác	-	187.556.600	187.556.600
	481.462.291	187.556.600	669.018.891

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn đáo hạn của các tài sản tài chính phi phải sinh của Công ty dựa trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản tài chính.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Vào ngày 30/06/2014			
Tiền và tương đương tiền	6.659.788.702	-	6.659.788.702
Phải thu khách hàng	10.360.431.674	-	10.360.431.674
Phải thu khác	1.817.658.366	-	1.817.658.366
Đầu tư dài hạn	-	446.500.000	446.500.000
	18.837.878.742	446.500.000	19.284.378.742
Vào ngày 01/01/2014			
Tiền và tương đương tiền	8.971.379.995	-	8.971.379.995
Phải thu khách hàng	10.042.382.953	-	10.042.382.953
Phải thu khác	1.653.252.628	-	1.653.252.628
Đầu tư dài hạn	-	446.500.000	446.500.000
	20.667.015.576	446.500.000	21.113.515.576

Công ty có nắm giữ tiền đặt cọc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 166.210.600 VND và ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 187.556.600 VND.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng	69.768.000

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Phải thu	89.875.077
Công ty CP Công nghệ Mới	Phải thu khác	1.502.658.918

8.2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	2.138.728.468	17.109.827.744	6.416.185.404	25.664.741.616
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	237.840.273	951.361.092	7.343.318.429	8.532.519.794
	2.376.568.741	18.061.188.836	13.759.503.833	34.197.261.410

Tiền thuê đất năm 2014 tại 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được tính theo đơn giá thuê mới do Sở Tài Chính ban hành;


Trong đó:

- + Đất thuê làm văn phòng là: 218.900 đ/m²/năm
- + Đất thuê đất làm xưởng, kho là: 173.300 đ/m²/năm.

Căn cứ vào thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 8 tháng 2 năm 2013 về việc hướng dẫn giảm một số khoản thu ngân sách theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7 tháng 1 năm 2013. Công ty CP Điện Tử Bình Hoà thuộc đối tượng được giảm 50% tiền thuê đất năm 2013 và năm 2014.


HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 82 2200 237
Fax: +84 82 2200 265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Ha Noi City Office
No. 93/B1, Cau Giay Street,
Quan Hoa Ward,
Cau Giay District, Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 43 7670 657
Fax: +84 43 7670 555
Email: pkf.afchn@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho City Office
No. 237A5, 30-4 Street, Hung Loi Ward,
Ninh Kieu District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 710 382 7888
Fax: +84 710 382 3209
Email: pkf.afcci@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn

AFC Vietnam is a member firm of the PKF International Limited network of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firm or firms.